

TẬP ĐOÀN BITEXCO  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MỨC  
-----000-----

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐẾN NGÀY 31/12/2015

*Điện Biên, Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

## Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN SAO



# Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5600184478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp ngày 10 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Mực với công suất lắp máy 44 MW tại xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Mực được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000004 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006 và được sửa đổi lần ba vào ngày 6 tháng 3 năm 2014.

Theo Giấy phép hoạt động Điện lực số 127/GP-ĐTĐL cấp ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Cục Điều tiết Điện lực của Bộ Công thương, Công ty đã được phép vận hành thương mại nhà máy Thủy điện Nậm Mực từ ngày 12 tháng 6 năm 2015.

Công ty có trụ sở chính tại bản Hô Mực, xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch	
Ông Vũ Chí Mỹ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2015
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Mai Văn Lục	Thành viên	
Ông Vũ Đức Thuận	Thành viên	
Ông Trần Hữu Khiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Dư Cao Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2015
Ông Vũ Chí Mỹ	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2015
Ông Bùi Ngọc Thương	Phó Giám đốc	
Ông Lê Xuân Cường	Phó Giám đốc	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Bà Lưu Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2015
Ông Vũ Chí Mỹ	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2015

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

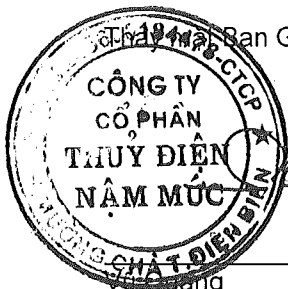
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Quang  
Giám đốc

Điện Biên, Việt Nam

Ngày 9 tháng 5 năm 2016



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

ST. A  
AN  
G

Số tham chiếu: 60752776/18357298

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 5 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Building a better  
working world

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 20 tháng 1 năm 2015.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Văn Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Phạm Mạnh Phú  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 5 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>65.221.378.733</b>	<b>90.990.261.850</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>3.032.109.400</b>	<b>10.000.890.463</b>
111	1. Tiền		3.032.109.400	10.000.890.463
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>62.181.789.333</b>	<b>72.085.576.573</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.143.450.987	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	50.680.663.269	71.568.338.028
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.357.675.077	517.238.545
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.480.000</b>	<b>8.903.794.814</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.480.000	29.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	8.874.794.814
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.437.385.089.671</b>	<b>1.274.491.433.954</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.437.099.845.809</b>	<b>382.964.271</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.437.099.845.809	382.964.271
222	Nguyên giá		1.468.377.231.701	1.304.129.905
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.277.385.892)	(921.165.634)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>1.273.758.311.276</b>
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		-	1.273.758.311.276
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>285.243.862</b>	<b>350.158.407</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	253.343.862	318.258.407
268	2. Tài sản dài hạn khác		31.900.000	31.900.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.502.606.468.404</b>	<b>1.365.481.695.804</b>

# Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.053.334.830.625</b>	<b>983.572.113.762</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>151.423.598.266</b>	<b>226.574.066.275</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	61.190.020.566	112.429.273.537
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	7.512.415.726	788.984.184
314	3. Phải trả người lao động		6.821.886.579	2.232.363.185
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	22.770.300.983	17.393.901.477
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.081.926.925	1.729.543.892
320	6. Vay và nợ ngắn hạn	14	51.047.047.487	92.000.000.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>901.911.232.359</b>	<b>756.998.047.487</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	10	24.443.473.957	-
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	12	35.041.758.402	-
337	3. Nợ dài hạn khác		426.000.000	441.000.000
338	4. Vay dài hạn	14	842.000.000.000	756.557.047.487
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>449.271.637.779</b>	<b>381.909.582.042</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>449.271.637.779</b>	<b>381.909.582.042</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		451.000.000.000	382.561.250.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		451.000.000.000	382.561.250.000
417	2. Chênh lệch tỷ giá		-	(470.631.382)
421	3. Lỗ lũy kế		(1.728.362.221)	(181.036.576)
421a	- (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(181.036.576)	483.771.593
421b	- Lỗ năm nay		(1.547.325.645)	(664.808.169)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.502.506.468.404</b>	<b>1.365.481.695.804</b>

Nguyễn Kim Dung  
Người lập

Đàm Trần Kiên  
Kế toán trưởng

Vũ Quang  
Giám đốc

Điện Biên, Việt Nam

Ngày 9 tháng 5 năm 2016



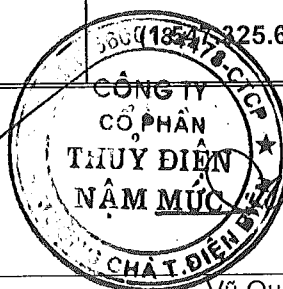
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	16.1	98.098.470.180	-
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng	16.1	98.098.470.180	-
11	3. Giá vốn hàng bán	17	(36.488.926.937)	-
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng		61.609.543.243	-
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	130.836.106	-
22	6. Chi phí tài chính	18	(54.570.908.768)	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.438.248.412)	-
25	7. Chi phí bán hàng		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(8.181.967.105)	-
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.012.496.524)	-
31	10. Thu nhập khác	20	-	-
32	11. Chi phí khác	20	(534.829.121)	(664.808.169)
40	12. Lỗ thuần khác	20	(534.829.121)	(664.808.169)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.547.325.645)	(664.808.169)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
52.	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.547.325.645)	(664.808.169)

*Dung*

*Kien*



*Quang*

Nguyễn Kim Dung  
Người lập

Đàm Trần Kiên  
Kế toán trưởng

Vũ Quang  
Giám đốc

Điện Biên, Việt Nam

Ngày 9 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

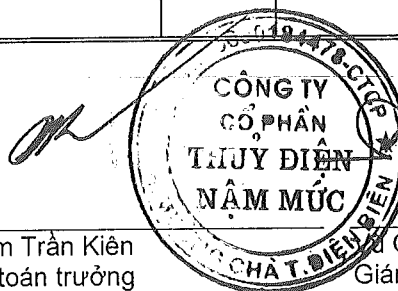
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lỗ trước thuế</b>		<b>(1.547.325.645)</b>	<b>(664.808.169)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình		30.356.220.258	-
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ chưa thực hiện		662.028.974	-
05	Lãi tiền gửi	16.2	(20.108.990)	-
06	Chi phí lãi vay	18	53.438.248.412	-
08	<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>82.889.063.009</b>	<b>(664.808.169)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		(2.109.092.705)	(1.290.909.847)
11	Tăng các khoản phải trả		12.316.337.421	1.811.100.103
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		86.434.545	(48.022.565)
13	Lãi vay đã trả		(53.095.645.456)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>40.087.096.814</b>	<b>(192.640.478)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(160.004.736.867)	(423.163.828.544)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		20.108.990	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(159.984.627.877)</b>	<b>(423.163.828.544)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		68.438.750.000	117.220.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		75.386.250.000	315.071.973.609
34	Tiền trả nợ gốc vay		(30.896.250.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>112.928.750.000</b>	<b>432.291.973.609</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.968.781.063)	8.935.504.587
60	Tiền đầu năm		10.000.890.463	1.065.385.876
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối năm	4	3.032.109.400	10.000.890.463

*[Signature]*



Nguyễn Kim Dung  
Người lập

Đàm Trần Kiên  
Kế toán trưởng

Đỗ Quang  
Giám đốc

Điện Biên, Việt Nam

Ngày 9 tháng 5 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5600184478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp ngày 10 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Mực với công suất lắp máy 44 MW tại xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Mực được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000004 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006 và được sửa đổi lần ba vào ngày 6 tháng 3 năm 2014.

Theo Giấy phép hoạt động Điện lực số 127/GP-ĐTĐL cấp ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Cục Điều tiết Điện lực của Bộ Công thương, Công ty đã được phép vận hành thương mại Nhà máy Thủy điện Nậm Mực từ ngày 12 tháng 6 năm 2015.

Công ty có trụ sở chính tại bản Hô Mực, xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 82 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

### 3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Đồ dùng văn phòng	3 năm

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp điện*

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận hàng tháng dựa theo Biên bản đo số điện và giá điện cho từng mùa được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.11 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	2.203.013.442	7.533.738
Tiền gửi ngân hàng	829.095.958	9.993.356.725
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.032.109.400</b>	<b>10.000.890.463</b>

### 5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
- Công ty mua bán điện	10.143.450.987	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.143.450.987</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện miền Bắc	3.000.000.000	3.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	5.960.663.269	15.998.338.028
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	41.720.000.000	52.570.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.680.663.269</b>	<b>71.568.338.028</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	(Trình bày lại)			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	644.849.498	-	275.328.799	-
Phải thu khác	712.825.579	-	241.909.746	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.357.675.077</b>	<b>-</b>	<b>517.238.545</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và công cụ dụng cụ	Phương tiện truyền dẫn	Đồ dùng văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	-	312.906.182	959.450.663	31.773.060	1.304.129.905
Mua mới	-	437.113.636	-	-	437.113.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	1.096.977.462.329	369.658.525.831	-	-	1.466.635.988.160
Số cuối năm	1.096.977.462.329	370.408.545.649	959.450.663	31.773.060	1.468.377.231.701
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	-	141.245.833	748.146.741	31.773.060	921.165.634
Khấu hao trong năm	19.947.820.220	10.307.373.838	101.026.200	-	30.356.220.258
Số cuối năm	19.947.820.220	10.448.619.671	849.172.941	31.773.060	31.277.385.892
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	171.660.349	211.303.922	-	382.964.271
Số cuối năm	1.077.029.642.109	359.959.925.978	110.277.722	-	1.437.099.845.809

(\*) Theo Giấy phép hoạt động Điện lực số 127/GP-ĐTĐL cấp ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công thương, Công ty đã được phép vận hành thương mại nhà máy Thủy điện Nậm Mức từ ngày 12 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	123.843.862	188.758.407
Các chi phí khác	129.500.000	129.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>253.343.862</b>	<b>318.258.407</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Viện Nghiên cứu Khảo sát Thủy điện Huadong	14.953.768.494	24.790.471.526
- Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	7.342.079.343	14.375.311.138
- Phải trả khác	4.340.217.531	29.646.198.704
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	34.553.955.198	43.617.292.169
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.190.020.566</b>	<b>112.429.273.537</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Viện Nghiên cứu Khảo sát Thủy điện Huadong	8.321.903.618	-
- Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	4.659.297.176	-
- Phải trả khác	11.240.594.828	-
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	221.678.335	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.443.473.957</b>	<b>-</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số tăng trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	10.510.954.878	6.181.931.517	4.329.023.361
Thuế thu nhập cá nhân	83.409.684	38.027.659	120.359.681	1.077.662
Thuế tài nguyên	39.420.494	5.359.088.599	2.959.052.390	2.439.456.703
Thuế nhà thầu	429.071.006	822.881.644	1.251.952.650	-
Các khoản thuế khác	237.083.000	1.654.990.000	1.149.215.000	742.858.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>788.984.184</b>	<b>18.385.942.780</b>	<b>11.662.511.238</b>	<b>7.512.415.726</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	342.602.957	5.985.000.000
Chi phí xây dựng trích trước	22.427.698.026	11.408.901.477
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.770.300.983</b>	<b>17.393.901.477</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	22.427.698.026	11.408.901.477
Phải trả khác	342.602.957	5.985.000.000
Dài hạn		
Chi phí xây dựng trích trước	33.841.758.402	-
Chi phí khác	1.200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.041.758.402</b>	<b>-</b>

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	458.330.301	84.050.600
Kinh phí công đoàn	61.410.349	75.957.260
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.790.654	223.530.606
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	1.493.395.621	1.346.005.426
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.081.926.925</b>	<b>1.729.543.892</b>

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## Đơn vị tính: VND

(i) Vay dài hạn ngân hàng với số tiền là 893 tỷ đồng được đảm bảo bằng quyền tài sản hình thành trong tương lai của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Mực. Gốc được trả lần cuối sau 19 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, gốc vay được thanh toán hàng tháng bắt đầu từ tháng 6 năm 2015, hạn cuối tất toán nợ gốc là tháng 12 năm 2028, lãi được trả hàng tháng. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi với lãi suất trong năm là 6.9%/năm - 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số dư đầu năm	265.341.250.000	155.768.918	483.771.593	265.980.790.511
- Tăng vốn	117.220.000.000	-	-	117.220.000.000
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(664.808.169)	(664.808.169)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(626.400.300)	-	(626.400.300)
Số dư cuối năm	382.561.250.000	(470.631.382)	(181.036.576)	381.909.582.042
<b>Năm nay</b>				
Số dư đầu năm	382.561.250.000	(470.631.382)	(181.036.576)	381.909.582.042
- Tăng vốn	68.438.750.000	-	-	68.438.750.000
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(1.547.325.645)	(1.547.325.645)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	470.631.382	-	470.631.382
Số dư cuối năm	451.000.000.000	-	(1.728.362.221)	449.271.637.779

### 15.2 Chi tiết vốn cổ phần đã phát hành

Đơn vị tính: VND

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp sửa đổi		Vốn cổ phần đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco	297.168.750.000	65.9%	297.168.750.000	228.730.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	146.011.250.000	32.4%	146.011.250.000	146.011.250.000
Tổng Công ty Sông Đà	5.880.000.000	1.3%	5.880.000.000	5.880.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.940.000.000	0.4%	1.940.000.000	1.940.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>451.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>451.000.000.000</b>	<b>382.561.250.000</b>

### 15.3 Cổ phiếu

Đơn vị: cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	45.100.000	451.000.000.000	45.100.000	451.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.100.000	451.000.000.000	38.256.125	382.561.250.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	45.100.000	451.000.000.000	38.256.125	382.561.250.000
Cổ phiếu phổ thông	45.100.000	451.000.000.000	38.256.125	382.561.250.000
Cổ phiếu đang lưu hành	45.100.000	451.000.000.000	38.256.125	382.561.250.000
Cổ phiếu phổ thông	45.100.000	451.000.000.000	38.256.125	382.561.250.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu cung cấp điện**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>98.098.470.180</b>	-
Trong đó		
Doanh thu từ bán điện	98.098.470.180	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>98.098.470.180</b>	-
Trong đó		
Doanh thu từ bán điện	98.098.470.180	-

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	20.108.990	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	110.727.116	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.836.106</b>	-

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất điện	35.288.926.937	-
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định	1.200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.488.926.937</b>	-

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.438.248.412	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.132.660.356	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.570.908.768</b>	-

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.045.369	-
Chi phí nhân công	6.454.611.888	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.467.339.101	-
Chi phí khác	180.970.747	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.181.967.105</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	-	-
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt và truy thu thuế	349.236.784	73.429.970
Chi phí lãi vay trả chậm	-	580.233.689
Chi phí khác	185.592.337	11.144.510
<b>LỖ KHÁC THUẦN</b>	<b>534.829.121</b>	<b>664.808.169</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.045.369	-
Chi phí nhân công	10.982.411.579	-
Chi phí khấu hao	30.356.220.258	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.872.246.089	-
Chi phí khác	1.380.970.747	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.670.894.042</b>	-

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

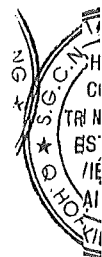
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong thời gian 15 năm từ khi Nhà máy thủy điện bắt đầu đưa vào khai thác sử dụng, được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000004 do UBND tỉnh Điện Biên cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006. Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu có doanh thu từ hoạt động kinh doanh.

Công ty phát sinh lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nên công ty không ghi nhận thuế TNDN phải trả.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**22.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**22.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu lỗ trước thuế và lỗ tính thuế:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Lỗ thuần trước thuế</b>	<b>(1.547.325.645)</b>	<b>(664.808.169)</b>
<b>Các điều chỉnh giảm lỗ theo kế toán</b>	<b>591.494.472</b>	<b>84.574.480</b>
Các khoản điều chỉnh giảm	591.494.472	84.574.480
Chi phí không được giảm trừ	173.185.127	1.650.000
Các khoản phạt	361.643.994	82.924.480
Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn góp còn thiếu	56.665.351	-
<b>Lỗ thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>(955.831.173)</b>	<b>(580.233.689)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>	-	-

**22.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.536.064.862 VND (31/12/2014: 580.233.689 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Đây là lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

CH  
C  
ÁCH N  
RNS  
VI  
TẠI  
N KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	68.438.750.000	16.594.000.000
		Nhận chuyển nhượng vốn góp từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	-	139.236.000.000
		Nhận tiền vay	22.896.250.000	1.543.395.621
		Thanh toán tiền vay	22.896.250.000	118.520.529
		Bù trừ công nợ khoản vay	-	156.820.822
		Phải trả khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành	54.736.659.135	21.264.163.912
		Thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành	64.213.088.240	187.248.614.769
Ông Vũ Quang Thái	Cổ đông cũ	Nhận vốn góp	-	72.900.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Công ty mẹ cấp 1	Góp vốn	-	33.836.000.000
		Nhận tiền vay	804.200.000	-
		Bù trừ công nợ khoản vay	804.200.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Minh Quang	Công ty có liên quan	Lãi tiền ứng trước hợp đồng	-	2.834.741.000
		Phải trả tiền xây dựng nhà máy	3.848.023.592	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty vay và cho vay đối với các bên liên quan, mua và cung cấp dịch vụ và bán hàng với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

				Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	(Trình bày lại)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – CN Điện Biên	Công ty mẹ	Tạm ứng chi phí xây lắp	41.720.000.000	52.570.000.000	
			<b>41.720.000.000</b>	<b>52.570.000.000</b>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – CN Điện Biên	Công ty mẹ	Chi phí xây dựng phải trả	32.472.656.193	43.228.563.049	
Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí xây dựng phải trả	2.081.299.005	388.729.120	
			<b>34.553.955.198</b>	<b>43.617.292.169</b>	
<b>Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 10)</b>					
Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang	Công ty cùng tập đoàn	Bảo hành xây dựng phải trả	221.678.335	-	
			<b>221.678.335</b>	<b>-</b>	
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – CN Điện Biên	Công ty mẹ	Chi phí xây dựng phải trả	22.427.698.026	11.408.901.477	
			<b>22.427.698.026</b>	<b>11.408.901.477</b>	
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – CN Điện Biên	Công ty mẹ	Chi hộ phải trả	1.493.395.621	1.346.005.426	
			<b>1.493.395.621</b>	<b>1.346.005.426</b>	

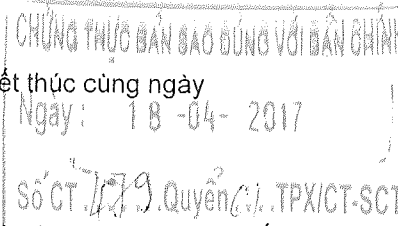
**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc (BGĐ):

		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng của các thành viên HĐQT & BGĐ		1.450.028.777	1.138.754.601
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.450.028.777</b>	<b>1.138.754.601</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



## 24. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Bảng cân đối kế toán	Đã được trình bày trước đây	Trình bày lại	Được trình bày lại
136	Phải thu ngắn hạn khác (1)	241.909.746	275.328.799	517.238.545
155	Tài sản ngắn hạn khác (1)	275.328.799	(275.328.799)	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (2)	1.262.112.326.799	11.645.984.477	1.273.758.311.276
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (2)	551.901.184	237.083.000	788.984.184
315	Chi phí phải trả ngắn hạn (2)	5.985.000.000	11.408.901.477	17.393.901.477
320	Vay và nợ ngắn hạn (3)	-	92.000.000.000	92.000.000.000
338	Vay và nợ dài hạn (3)	848.557.047.487	(92.000.000.000)	756.557.047.487

- (1) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán được trình bày lại theo Thông tư 200;
- (2) Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tăng chi phí phải trả ngắn hạn tương ứng dựa trên biên bản bàn giao khối lượng xây dựng trong năm 2014 với số tiền là 11,6 tỷ VND; và
- (3) Công ty thực hiện việc phân loại nợ dài hạn đến hạn phải trả của khoản vay dựa trên lịch trả nợ của khoản vay tương ứng trong năm 2014.

## 25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

*Dum*



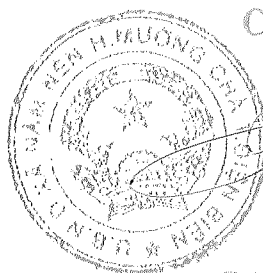
Nguyễn Kim Dung  
Người lập

Đàm Trần Kiên  
Kế toán trưởng

Vũ Quang  
Giám đốc

Điện Biên, Việt Nam

Ngày 9 tháng 5 năm 2016



CHỦ TỊCH

*Điều chỉnh Định*